

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLPT - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ - ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm: 20/2020/QĐ - PT ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Kiều K, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nơi công tác: Trường tiểu học 1 thị trấn R, khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Ông Thành T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 67A, đường P, khóm 6, phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Anh Ông Thành T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lý Kiều K trình bày: Về hôn nhân, chị và anh Ông Thành T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T sống không quan tâm đến vợ con, thường hay uống rượu và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nên dẫn đến đòi

sống chung giữa anh, chị không hạnh phúc. Hiện chị và anh T sống ly thân khoảng 01 năm nay, mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Đối với anh T thừa nhận thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn mà chị K trình bày là đúng, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn, chị K trình bày không đúng bởi giữa anh và chị K không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng nay chị K xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung, chị K và anh T chung sống với nhau có 02 người con chung là Ông Khả M, sinh ngày 08/3/2016 và Ông Bách L, sinh ngày 04/01/2018, hiện hai người con đang chung sống với chị K.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai người con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi người một tháng là 1.500.000 đồng, hai người con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Ông Khả M vì cháu M đang học mẫu giáo tại thành phố C và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi cháu M. Riêng cháu L, anh đồng ý giao cho chị K nuôi và cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nếu Tòa án giao cả hai người con cho chị K nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Chị K xác định ngày cưới cha mẹ chồng cho anh chị 02 lượng 09 phân 09 ly vàng 24K gồm: 01 sợi dây chuyền 01 lượng cùng 01 mặt dây chuyền có trọng lượng 09 phân 09 ly và 02 chiếc lắc tay, mỗi chiếc có trọng lượng là 03 chỉ, 01 chiếc kiềng trọng lượng 04 chỉ, 01 đôi bông tai hột xoàn trọng lượng 03 ly. Quá trình chung sống, anh T đã lấy bán hết 07 chỉ vàng để chi xài cá nhân còn lại 13 chỉ 09 phân 09 ly vàng 24K và 01 đôi bông tai hột xoàn chị cất giữ. Tuy nhiên, trong thời gian nuôi con chị đã bán hết số vàng chị giữ để nuôi con và trả nợ, hiện chị còn giữ lại 01 đôi bông tai hột xoàn. Tại phiên tòa, chị đồng ý chia đôi tổng số vàng mà cha mẹ cho ngày cưới nhưng không đồng ý chia 01 đôi bông tai hột xoàn. Đồng thời, chị K không đặt ra yêu cầu Tòa án thẩm định giá hay trưng cầu cơ quan chuyên môn để thẩm định giá trị tài sản trên, chị tự định giá vàng 24K tại thời điểm giải quyết vụ án là 4.340.000đ/chỉ, còn đôi bông tai trị giá 15.000.000 đồng. Ngoài tài sản trên, chị K xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung nào khác.

Anh T khai vào ngày cưới cha mẹ đẻ của anh có cho chung vợ chồng 02 lượng 05 chỉ 05 phân vàng 24K cùng 01 đôi bông tai hột xoàn không xác định được trọng lượng nhưng tại phiên tòa, anh xác định tài sản chung của vợ chồng là 02 lượng 09 phân 09 ly vàng 24K đúng như chị K trình bày. Trong thời gian chung sống, anh chị đã cùng nhau bán hết 07 chỉ vàng để nuôi sò nhưng việc nuôi sò bị thua lỗ nên không còn, số vàng còn lại là 13 chỉ 09 phân 09 ly vàng 24K và 01 đôi bông tai hột xoàn chị K đang giữ. Khi ly hôn, anh T yêu cầu chia đôi số vàng hiện chị K đang giữ, riêng đôi bông tai hột xoàn anh không yêu cầu chia. Việc chị K cho rằng đã bán hết số vàng đang giữ để nuôi con và trả nợ do mượn để trang trải chi phí lo cho con, anh không đồng ý vì đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng khi định đoạt, chị K không thông qua ý kiến của anh nên anh vẫn giữ yêu cầu chia

đôi số tài sản trên. Đồng thời, anh T không đặt ra yêu cầu Tòa án thẩm định giá hay trưng cầu cơ quan chuyên môn để thẩm định giá trị tài sản trên, anh tự định giá vàng 24K tại thời điểm giải quyết vụ án là 4.340.000đ/chỉ, còn đôi bông tai trị giá 30.000.000đ. Ngoài tài sản trên, anh T xác định giữa anh và chị K không có tài sản chung nào khác

Về nợ chung: Chị K, anh T khai nhận không nợ ai và không ai nợ anh chị.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Căn cứ các Điều 56, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của chị Lý Kiều K về việc xin ly hôn anh Ông Thành T.

- Về con chung là Ông Khả M, sinh ngày 08/3/2016 và Ông Bách L, sinh ngày 04/01/2018. Hiện hai người con đang chung sống với chị Lý Kiều K, tiếp tục giao cho chị K chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Ông Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi người con là 750.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Ông Thành T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, chị Lý Kiều K có trách nhiệm giao lại cho anh Ông Thành T 06 chỉ 09 phân 09 ly 05 zem vàng 24K.

- Về nợ chung, chị Lý Kiều K và anh Ông Thành T khai không có, nên xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/4/2020 anh Ông Thành T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xem xét giao con chung là Ông Khả M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung yêu cầu chia đôi bông hột xoàn trị giá 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Anh T trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ông Khả M và yêu cầu chia đôi bông tai hột xoàn. Vì anh T có nghề sửa điện và nhà ở ổn định nên có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn chị K.

Anh T cho rằng chị K là giáo viên đi dạy phải gởi con cho người khác, chưa có thu nhập ổn định, phải ở tại trường không đảm bảo điều kiện sinh hoạt của con, không có nhiều thời gian chăm sóc con, không có người thân ở gần giúp đỡ khi cần thiết.

- Chị K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Ông Thành T. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ - ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, quyết định về hôn nhân chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Kiều K với anh Ông Thành T về phần hôn nhân đã có hiệu lực pháp luật; về con chung giao cho chị K trực tiếp nuôi cháu Ông Khả M, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Ông Bách L, sinh ngày 04/01/2018, anh T cấp dưỡng mỗi cháu 750.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi; về tài sản chung buộc chị K giao lại cho anh T 06 chỉ 09 phân 05 ly vàng 24K.

[2] Xét kháng cáo của anh T có hai nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần nuôi con chung, anh T yêu cầu được nuôi cháu M; về tài sản anh T yêu cầu chia 01 đôi bông tai hột xoàn trị giá 30.000.000 đồng.

Qua xem xét hồ sơ vụ án, nhận thấy cả hai đương sự đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận về trách nhiệm của anh T, chị K đối với con sau khi ly hôn. Đối với cháu Ông Bách L sinh ngày 04/01/2018 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi cho nên về nguyên tắc pháp luật hôn nhân và gia đình, cấp sơ thẩm giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đối với cháu Ông Khả M, sinh ngày 08/3/2016, hiện cháu trên 36 tháng tuổi nhưng dưới 7 tuổi, hiện nay chị K đang nuôi, anh T và chị K đều có yêu cầu được nuôi con. Tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên...”*.

“Trường hợp không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”.

Để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của cháu M thì cần xem xét các điều kiện của người trực tiếp nuôi con, cụ thể:

[4] Xét về điều kiện vật chất, điều kiện tinh thần và độ tuổi để nuôi cháu M thì giữa anh T và chị K đều có đủ điều kiện ngang nhau. Chị K hiện là giáo viên có kỹ năng sư phạm là điều kiện rất tốt cho việc giáo dục con chung, có thu nhập bằng lương ổn định, ở mức độ tương đối là người có đủ điều kiện nuôi con, anh T làm nghề sửa điện gia dụng tại nhà cha mẹ ruột, điều kiện kinh tế có lúc nhiều, lúc ít không phải là điều kiện thu nhập cơ bản trong cuộc sống. Xét về thời gian chung sống, điều kiện chung sống của vợ chồng cùng con cái thì từ trước tới nay chị K vẫn nuôi hai cháu M và L không rời. Theo anh T thì từ tháng 12/2019 chị K dẫn cháu M về nhà cha mẹ ruột chị K, sau đó không đưa cháu trở lại, anh cho là cháu đang học tại trường mẫu giáo S tại thành phố C nên anh là người đủ điều kiện nuôi con hơn chị K, anh có cho là anh cũng thường xuyên xuống huyện N thăm con, anh T có cung cấp giấy xác nhận ngày 29/3/2020 cháu M đang học lớp Mầm 1, năm học 2019 – 2020.

Xét thấy hai cháu đang sống với chị K, hiện nay vẫn phát triển sinh hoạt bình thường như những đứa trẻ khác. Quá trình chung sống giữa tình cảm chị em của cháu M, cháu L và tình mẹ con của chị K đối với các cháu đã thật sự khăng khít, gắn bó từ trước đến nay, cách sống và sinh hoạt trong gia đình chị K đã quen với cuộc sống của hai cháu, chị K là giáo viên có nhiều thời gian chăm sóc, dạy dỗ hai cháu hơn anh T, việc phát triển tâm sinh lý của giới tính nữ thông thường cần được người mẹ gần gũi chia sẻ nhiều hơn, nếu giao cháu M cho anh T nuôi sẽ làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt tâm lý của cháu cho nên cấp sơ thẩm đã giao cháu M cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên tòa, anh T cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho việc kháng cáo giành quyền nuôi con cho nên tiếp tục giao chị K nuôi dưỡng hai con chung là thỏa mãn, phù hợp với nhận định trên.

Đồng thời để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện trách nhiệm, tình thương của người làm cha đối với con cái nên cấp sơ thẩm buộc anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 750.000 đồng/tháng, hai người con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được, về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy điều này là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Đối với yêu cầu chia 01 đôi bông tai hột xoàn của anh T. Xét thấy tại cấp sơ thẩm anh T không yêu cầu do đó cấp phúc thẩm không thể xem xét trong vụ án này, nếu anh T, chị K không thỏa thuận được, anh T được quyền yêu cầu thành vụ án dân sự khác.

[6] Từ phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T về việc người trực tiếp nuôi con và chia 01 đôi bông tai hột xoàn. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ - ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh T phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 59, 81, 82, 83 và Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ông Thành T, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2020/HNGĐ - ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lý Kiều K về việc xin ly hôn anh Ông Thành T.

2. Về con chung là Ông Khả M, sinh ngày 08/3/2016 và Ông Bách L, sinh ngày 04/01/2018. Hiện hai người con đang chung sống với chị Lý Kiều K, tiếp tục giao cho chị K chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Ông Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi người con là 750.000đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Ông Thành T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị K có đơn yêu cầu thi hành án, anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung, chị Lý Kiều K có trách nhiệm giao lại cho anh Ông Thành T 06 chỉ 09 phân 09 ly 05 zem vàng 24K.

4. Về nợ chung, chị Lý Kiều K và anh Ông Thành T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Về hôn nhân gia đình, chị K phải chịu số tiền 300.000 đồng và án phí về việc chia tài sản chung, chị K phải chịu số tiền 1.518.000 đồng. Tổng hai khoản án phí, chị K phải chịu số tiền 1.818.000 đồng. Ngày 03/01/2020, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001268 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách Nhà nước, chị K phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 1.518.000 đồng (một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng – chưa nộp).

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng và án phí về việc chia tài sản chung, anh T phải chịu số tiền 1.518.000 đồng. Tổng hai khoản án phí, anh T phải chịu số tiền 1.818.000 đồng. Ngày 07/02/2020, anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng theo biên lai số 0001385 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.818.000 đồng, số tiền còn lại là 432.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) được trả lại cho anh T.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh T phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001618 ngày 13/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND Phường 2, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Hùng Quang

